

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2026/DS - ST
Ngày 09 tháng 7 năm 2026
“*V/v trA chấp Hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy
2. Bà Nguyễn Thị Hiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Bảo Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 512/2025/TLST - DS ngày 10 tháng 12 năm 2025 về “***Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền***” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2026/QĐXXST - DS ngày 26 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2026/QĐST - DS ngày 22 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đào Quang T, sinh năm 1996; thường trú: Xóm ĐB, xã GL, tỉnh Nghệ An; địa chỉ liên hệ: Số 06 đường ND, phường TB, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền:

- Bà Trần Thị Cẩm H, sinh năm 1997/ bà Võ Thị H1, sinh năm 1995/ A Lê Viết D, sinh năm 1991; cùng địa chỉ: Số 06 đường ND, phường TB, tỉnh Đồng Nai (*Theo Hợp đồng ủy quyền công chứng số 6676, quyển số 10/2025 TP/CC - SCC/HĐGD ngày 24 tháng 6 năm 2025 tại Văn phòng công chứng Bùi Ngọc Hiếu*). Bà H, ông D vắng mặt, bà H1 có mặt.

- A Lê Tha B, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn 3, xã IK, tỉnh Gia Lai; địa chỉ liên hệ: Số 06 đường ND, phường TB, tỉnh Đồng Nai (*Theo Hợp đồng ủy quyền công chứng số 2428/2026/CCGD ngày 21 tháng 3 năm 2026 tại Văn phòng Công chứng Bùi Ngọc Hiếu và số 000375/2026/CCGD ngày 25 tháng 3 năm 2026 tại Văn phòng Công chứng Hội Phú*). Vắng mặt

2. Bị đơn: Bà Đinh Thị A, sinh năm 1980; cùng địa chỉ: Tổ 04 PĐ, phường P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2025, văn bản giải trình và cam kết ngày 06 tháng 10 năm 2025, ngày 15 tháng 5 năm 2026, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đào Quang T - bà Võ Thị H1 trình bày:

Vào năm 2022, bà Đinh Thị A vay của ông Đào Quang T số tiền 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng, việc vay mượn được thỏa thuận bằng lời nói, vay không có lãi, hai bên thống nhất khi nào ông T đòi thì bà A phải trả lại tiền vay và ông T đã giao đủ tiền vay bằng tiền mặt cho bà A.

Sau đó, ông T đã đòi bà A trả tiền rất nhiều lần nhưng bà A không thực hiện. Vì vậy, ngày 22 tháng 4 năm 2024 ông và bà A đã ký Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ nêu: “Điều 1: Thỏa thuận xác nhận nợ

Sau khi đối chiếu, 2 Bên xác nhận nợ, đến hết ngày 22 tháng 04 năm 2026

Bên A Đinh Thị A còn nợ bên B tổng số tiền là 550.000.000đ (Bằng chữ: năm trăm năm mươi triệu đồng), trong đó 12 tháng đầu thanh toán trước 200.000.000đ; Lãi 0đ”

Đến nay ông T đã nhiều lần liên hệ nhưng bà A vẫn chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho ông T.

Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015: “Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”

Căn cứ Điều 423 Bộ luật dân sự năm 2015: “Điều 423. Hủy bỏ hợp đồng

1. Một bên có quyền hủy bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại trong trường hợp sau đây:

a) Bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện hủy bỏ mà các bên đã thỏa thuận

b) Bên kia vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng”

Theo thỏa thuận trong Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 22 tháng 4 năm 2024 thì từ ngày 23 tháng 4 năm 2024 đến ngày 22 tháng 4 năm 2025 bà A có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 200.000.000 đồng. Tuy nhiên đến nay bà A vẫn chưa trả số tiền 200.000.000 đồng cho ông T là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ đối với hợp đồng vay.

Vì vậy, ông Đào Quang T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai giải quyết:

- Hủy bỏ hợp đồng mà bà Đinh Thị A vay ông Đào Quang T số tiền 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng. Tuyên buộc bà Đinh Thị A trả lại cho ông Đào Quang T số tiền vay là 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng.

- Yêu cầu bà Đinh Thị A bồi thường thiệt hại cho ông Đào Quang T khoản tiền lãi chậm trả của số tiền 200.000.000 đồng đến hạn nhưng bà A chưa thanh toán theo lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 23 tháng 4 năm 2025 đến ngày xét xử vụ án, tiếp tục tính lãi cho đến khi bà A thanh toán xong nợ.

Tại phiên tòa, ông Đào Quang T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy bỏ hợp đồng mà bà Đinh Thị A vay ông Đào Quang T số tiền 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng, giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện còn lại.

2. Đối với bị đơn bà Đinh Thị A:

Qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định năm 2021 bà Đinh Thị A có đăng ký nhập khẩu tại địa chỉ số 28 đường U, tổ 04 PĐ, phường P, tỉnh Gia Lai nhưng bà A không có sinh hoạt, làm việc tại địa phương, hiện không xác định được địa điểm nơi bà A chuyển đến sinh sống, làm việc. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để thông báo về yêu cầu khởi kiện của ông Đào Quang T và triệu tập đối với bà Đinh Thị A để trình bày ý kiến về các yêu cầu khởi kiện trên nhưng bà A không đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để xét xử vắng mặt bị đơn.

3. Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai có ý kiến về tố tụng và hướng giải quyết vụ án như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về xác minh, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Quang T:

- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện hủy bỏ hợp đồng mà bà Đinh Thị A vay ông Đào Quang T số tiền 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng.

- Buộc bà Đinh Thị A phải trả cho ông Đào Quang T tiền nợ gốc là 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng, tiền lãi của khoản vay 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng với lãi suất 10%/năm. Bà Đinh Thị A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá 12 tháng từ ngày lập Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 22 tháng 4 năm 2024 nhưng bà Đinh Thị A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ông Đào Quang T đã phát sinh quyền khởi kiện.

Nghĩa vụ phát sinh từ vi phạm cam kết tại Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 22 tháng 4 năm 2024 nên quan hệ trA chấp được xác định là “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”, bị đơn cư trú tại phường P nên thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai theo loại việc, lãnh thổ và cấp xét xử.

Bị đơn bà Đinh Thị A đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đào Quang T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy bỏ hợp đồng mà bà Đinh Thị A vay ông Đào Quang T số tiền 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện nêu trên.

[2] Theo Điều 2 Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 22 tháng 4 năm 2024 bà Đinh Thị A cam kết trả nợ trước ngày 22 tháng 4 năm 2026, đến thời điểm xét xử bà A vẫn chưa thA toán nên đã phát sinh nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ là 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng nên yêu cầu khởi kiện của ông Đào Quang T có căn cứ nên được chấp nhận một phần.

[2] Theo nội dung “...trong đó: 12 tháng đầu thA toán trước 200.000.000 đồng...” tại Điều 1 Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 22 tháng 4 năm 2024 kết hợp với thỏa thuận “*Bên A sẽ thanh toán số tiền nợ trước ngày 22 tháng 4 năm 2026*” tại Điều 1 Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 22 tháng 4 năm 2024, khoản tiền nợ 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng phải được thanh toán từ ngày 22 tháng 4 năm 2024 đến ngày 22 tháng 4 năm 2025, do bà Đinh Thị A chưa thanh toán khoản tiền này đồng nghĩa phải chịu lãi chậm trả theo thỏa thuận tại Điều 2 Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 22 tháng 4 năm 2024

Do các bên có thỏa thuận lãi chậm trả nhưng không ghi lãi suất cụ thể nên căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi suất 10%/năm được áp dụng để tính lãi, từ ngày 23 tháng 4 năm 2025 đến ngày 09 tháng 7 năm 2026 là 01 năm 02 tháng 16 ngày, tiền lãi là: 200.000.000 đồng x 01 năm 02 tháng 16 ngày x 10%/năm = 24.222.222 (hai mươi tư triệu hai trăm hai mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai) đồng.

Như vậy có cơ sở xác định, bà Đinh Thị A nợ tiền vay của ông Đào Quang T, bà A đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên cần buộc bà Đinh Thị A trả cho ông Đào Quang T số tiền 574.222.222 (năm trăm bảy mươi tư triệu hai trăm hai mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai) đồng trong đó nợ gốc là 550.000.000 đồng và nợ lãi là 24.222.222 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của ông Đào Quang T được chấp nhận nên bà Đinh Thị A phải chịu án phí

20.000.000 đồng + (4% x 174.222.222 đồng) = 26.968.888 (hai mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm tám mươi tám) đồng

[4] Về chi phí đăng trên phương tiện thông tin đại chúng:

Tổng chi phí là 6.510.000 (sáu triệu năm trăm mười nghìn) đồng, đây là chi phí cần thiết để tiến hành tố tụng do ông Đào Quang T yêu cầu nên căn cứ theo Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, ông T chịu toàn bộ chi phí này. Ông Đào Quang T đã thực hiện xong nghĩa vụ này theo các Hóa đơn giá trị gia tăng số 49 ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Quảng cáo và dịch vụ truyền thông tại Thành phố Hồ Chí Minh và số 355 ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Báo Tuổi Trẻ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 117, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 4, 5; khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 97, Điều 186, Điều 227, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Quang T về việc yêu cầu bà Đinh Thị A thanh toán nợ vay.

Buộc bà Đinh Thị A trả cho ông Đào Quang T số tiền 574.222.222 (năm trăm bảy mươi tư triệu hai trăm hai mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Bà Đinh Thị A phải chịu 26.968.888 (hai mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm tám mươi tám) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đào Quang T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.356.986 (mười ba triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu) đồng theo Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006215 ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự và và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Thị ThA Thúy

Từ ngày 20 tháng 01 năm 2024 đến ngày 20 tháng 3 năm 2022 là 03 tháng, lãi trên nợ gốc trong hạn là : $2.400.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 3 \text{ tháng} = 60.000.000$ (sáu mươi triệu) đồng.

Từ ngày 21 tháng 3 năm 2022 đến ngày 22 tháng 5 năm 2026 là 04 năm 02 tháng:

Lãi trên nợ lãi chưa trả là: $60.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 04 \text{ năm } 02 \text{ tháng} = 25.000.000$ (hai mươi lăm triệu) đồng

Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: $2.400.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 150\% \times 04 \text{ năm } 02 \text{ tháng} = 1.500.000.000 \text{ đồng}$

Tổng tiền lãi là $60.000.000 \text{ đồng} + 25.000.000 \text{ đồng} + 1.500.000.000 \text{ đồng} = 1.585.000.000$ (một tỷ năm trăm tám mươi lăm triệu) đồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA